Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Giấy nháp và bút; có thể kẻ bảng hàng để kiểm giá trị chữ số.
Đọc dữ kiện và nói điều cần tìm trước khi tính. Có thể tách số, vẽ sơ đồ hoặc dùng thẻ để giải thích.
Ghi cách làm và một phép kiểm phù hợp; chỉ mở đáp án sau khi đã tự thử.

BÀI 1

Viết số đo độ dài bằng số thập phân

Ghi số đo độ dài bằng số thập phân dựa vào đơn vị làm chuẩn.

VÍ DỤ

2 m 35 cm = $2\,\frac{35}{100}$ m = 2,35 m vì 1 m có 100 cm. Không viết 2,035 m cho 35 cm.

1 Viết 4 m 8 cm bằng mét ở dạng số thập phân.

2 Viết 165 cm bằng mét; giải thích phần còn lại sau một mét.

3 Viết 7 dm 3 cm bằng đề-xi-mét ở dạng số thập phân.

4 Bạn viết 3 m 6 mm thành 3,6 m. Dùng quan hệ 1 m = 1000 mm để sửa.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 2

Viết số đo khối lượng và dung tích bằng số thập phân

Ghi số đo khối lượng và dung tích bằng số thập phân của cùng đơn vị.

VÍ DỤ

1 kg 250 g = 1,250 kg = 1,25 kg. Trong hai cách viết này, phần $\frac{250}{1000}$ kg không đổi.

1 Viết 2 kg 75 g bằng ki-lô-gam ở dạng số thập phân.

2 Viết 3 l 250 ml bằng lít ở dạng số thập phân.

3 Viết 450 g bằng ki-lô-gam và 80 ml bằng lít.

4 Bạn ghi 5 kg 8 g thành 5,8 kg. Kiểm ý nghĩa chữ số 8 và sửa.

LUYỆN THÊM · LT1

Đổi 2 kg 8 g thành ki-lô-gam. Ghi quan hệ đơn vị dùng.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 3

So sánh hai số thập phân theo giá trị hàng

So sánh hai số thập phân bằng phần nguyên rồi hàng đầu tiên khác nhau.

VÍ DỤ

3,8 = 3,80 > 3,75 vì phần nguyên cùng 3, hàng phần mười 8 > 7. Không so riêng các chuỗi chữ số sau dấu phẩy như hai số tự nhiên.

1 So sánh 6,25 và 6,7; chỉ hàng quyết định.

2 Điền dấu >,< hoặc =: 12,08 ... 12,080.

3 So sánh 9,999 và 10,01.

4 Bạn nói 4,305 > 4,35 vì 305 > 35. Viết hai số cùng số chữ số thập phân rồi sửa.

LUYỆN THÊM · LT1

So sánh 5,07 và 5,7, giải thích theo hàng.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 4

Sắp không quá bốn số thập phân theo hai chiều

Sắp không quá bốn số thập phân theo thứ tự tăng hoặc giảm, giữ dấu bằng.

VÍ DỤ

Xếp tăng 2,4; 2,04; 2,40 được 2,04 < 2,4 = 2,40. Các cách viết khác nhau có thể chỉ cùng một số.

1 Xếp tăng: 3,7; 3,07; 3,707; 3,77.

2 Xếp giảm: 4,05; 4,5; 4,005; 4,50.

3 Xếp tăng: 0,9; 1,02; 0,99; 1,002.

4 Bạn xếp 8,03 < 8,3 < 8,030. Sửa thứ tự và giữ các số bằng nhau.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 5

Giải thích và sửa cách so sánh số thập phân

Giải thích và sửa lỗi so sánh do số chữ số, hàng 0 hoặc đơn vị.

VÍ DỤ

0,62 < 0,7 vì 0,7 = 0,70 và 62 phần trăm nhỏ hơn 70 phần trăm. Số chữ số sau dấu phẩy nhiều hơn không bảo đảm số lớn hơn.

1 Bạn nói 0,75 > 0,8 vì 75 > 8. Kiểm bằng mẫu 100 và sửa.

2 Một bạn nói 2,50 > 2,5 vì có thêm chữ số. Nêu quan hệ đúng.

3 So sánh 1,2 m và 115 cm sau khi dùng cùng đơn vị.

4 Tự chọn hai số thập phân có cùng phần nguyên, số có nhiều chữ số sau dấu phẩy lại nhỏ hơn. Giải thích.